

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạch;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2017 và Quyết định hoãn phiên số 72/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh N, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: A/B, khu phố C, phường D, TP. M, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Thái Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Chị Ngô Thị Thanh N trình bày: Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của 02 bên gia đình nên đến năm 2010 anh chị tổ chức cưới nhau với sự tự nguyện của hai bên và cả hai cũng đã tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố M, tỉnh T vào ngày 05/01/2011. Qua quá trình chung sống, Chị và anh T không có con, tài sản và nợ chung.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu cả hai sống có hạnh phúc nhưng dần về sau, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, cuộc sống vợ chồng không thể dung hòa, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị đã tạo điều kiện cho anh T rất nhiều lần để anh T sửa chữa nhưng không được. Chị và anh T cũng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay mà không có phương thức nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không có phương thức nào để đoàn tụ nên Chị yêu cầu ly hôn với anh T. Khi ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

* Phần trình bày ý kiến của Anh Thái Văn T: Từ lúc thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án không thu thập được tài liệu chứng cứ nào của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N có đơn khởi kiện đối với anh T. Anh T có địa chỉ tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N có đơn xin ly hôn với anh T. Chị N và anh T có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, phía Chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T. Khi ly hôn, Chị N không yêu cầu giải quyết về con tài sản và nợ chung.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị N, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N và anh T là có thật, là trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được thể hiện qua việc anh T không đưa ra phương thức nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Anh T vắng mặt không có lý do xem như anh đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu ly hôn của Chị N.

Đối với con, tài sản và nợ chung, Chị N không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Xét lời trình bày của Chị N là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Ngô Thị Thanh N. Chị N được ly hôn với Anh Thái Văn T.

2. Về con, tài sản và nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu số 14619 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như Chị N đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, Chị N có quyền kháng cáo bản án này và anh T có quyền kháng cáo này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường A, TP M;
- Lưu.

Ngô Vũ Hoài Phương